TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 107/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hoá, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 214/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026, giữa:

- Chị Phạm Thị H Sinh năm: 1991

CCCD số: 038191050214

HKTT: Thôn M, xã M, tỉnh Thanh Hoá

Chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã T, tỉnh Thanh Hoá

- Anh Lê Thế H1 Sinh năm: 1986

CCCD số: 038086041315

HKTT: Thôn M, xã M, tỉnh Thanh Hoá

Chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã M, tỉnh Thanh Hoá

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị H và anh Lê Thế H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị H và anh H1 có 03 con chung là cháu Lê Thế Ngọc M, sinh ngày 30/8/2014, cháu Lê Thế Hải P, sinh ngày 07/02/2018 và cháu Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 07/02/2018. Giao cháu M cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu P và cháu N cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị H, anh H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí DSST: Chị Phạm Thị H tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0004429 ngày 03/6/2026. Chị H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Minh Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Thịnh